

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI CHÂN NGÔN

Hán dịch: Không rõ tên người dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Nam mô bặt nga phạ đề (1) dát-lặc lộ ca, bát- ra đề vĩ thi sắc tra da (2) mẫu
đà da (3) bặt nga phạ đề (4)

ॐ नमो भगवते त्रैलोक्ये प्रविविषिष्ठाय बुद्धाय नमो नमः

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVIŚIṢṬAYA BUDDHĀYA
BHAGAVATE

Đát nễ-dã tha (5): Úm (6) Vĩ thú đà da (7) sa ma sa mạn đa(8) phạ bà
sa(9) tắc-bạt ra nũa (10) nga đế nga ha na (11) sa phạ bà phạ vĩ thuật đề (12)

गच्छेत् उ विदेय सम समवसम सुमि गग गगन सुसव
रे सुह

TADYATHĀ: OM _ VIŚODHAYA, SAMA SAMANTA AVABHĀSA
SPHARAṆA GATI-GAHĀNA SVABHĀVA VIŚUDDHE

A tỳ tiến dã đồ hàm (13) tát nga đa, phạ ra phạ dã na (14) A mật li đa tỳ sái
kế (15) a ha ra (16) a ha ra (17) a dữu tán đà ra ni (18)

सुखेदेव सुख सुगत वर वचन सुसुखेपके सुक सुक
सुसुः सुसुमि

ABHIṢIṆCA TUMĀM. SUGATA VARA VACANA AMṚTA
ABHIṢEKAI _ ĀHARA ĀHARA ĀYUḤ SANDHĀRAṆĪ

Thú đà da(19) thú đà da (20) Nga nga na, vĩ thuật đề (21)

देय देय गगन रे सुह

ŚODHAYA ŚODHAYA GAGANA VIŚUDDHE

Ô sắc ni sa nhạ dã, vĩ thuật đề (22) sa ha tát-ra, yết ra thấp-nhi, tán chú tắc
đề (23)

उष्ण देय रे सुह मरुत्त [सु संसृति

UṢṆĪṢA-JAYA VIŚUDDHE SAHASRA-RAŚMI SAMSUĐĪTI

Tát bà đát tha nga đa, địa sắc tra na, địa sắc sỉ đa, mẫu nại lệ(24) phạ nhật-
la ca da , tăng ha đa na, vĩ thuật đề(25)

सर्व तथगत अधिष्ठाने अधिष्ठिता मुद्रि वज्रकेय संकन रे सुह

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA MUDRI VAJRA-
KĀYA SAMHATANA VIŚUDDHE

Tát bà phạ ra nũa, vĩ thuật đề (26)

सर्व सुवमि रे सुह

SARVA AVARAṆA VIŚUDDHE

Bát la đề nễ phộc đa da, a dữu thuật đề (27)

सगग वर्ये सुसुः सुह

PRATINI VARTTAYA ĀYUḤ ŚUDDHE

Sa ma da , địa sắc sỉ đề (28)

समय अधिष्ठ

SAMAYA ADHIṢṬITE

Ma nễ, ma nễ (29)

𑖇𑖇 𑖇𑖇

MAṆI MAṆI

Đa tha đa, bộ đa câu đê, bạt li thuật đê (30)

𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇

TATHĀTĀ-BHŪTA KOṬI PARISUDDHE

Vĩ tắc-phổ tra, mẫu địa thuật đê (31)

𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇

VISPHOṬA BUDDHI ŚUDDHE

Nhạ dĩa (32) nhạ dĩa (33) vĩ nhạ dĩa (34) vĩ nhạ dĩa (35)

𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

JAYA JAYA. VIJAYA VIJAYA

Tắc ma ra (36) tát bà mẫu đà, địa sắc-sỉ đa, thuật đê (37)

𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

SMARA SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ŚUDDHE

Phạ nhật-lê, phạ nhật-ra nga bệ (38) phạ nhật-lam bà phạ đô (39) ma ma ta (40) Tát bà tát đỏa năm dĩa (41) ca da, vĩ thuật đê (42)

𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

VAJRĪ VAJRA-GARBHE VAJRĀM BHAVATU MAMAṢYA SARVA

SATVĀNĀMCA KĀYA VISUDDHE

Tát bà nga đế, bạt li thuật đê (43)

𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

SARVA GATI PARISUDDHE

Tát bà đất tha nga đa (44) sa ma thập phạ sa, địa sắc sỉ đế (45)

𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

SARVA TATHĀGATA-SAMA ŚVASA ADHIṢṬITE

Mẫu địa dĩa (46) mẫu địa dĩa (47). Mẫu đà da (48) mẫu đà da (49)

𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

BUDDHYA BUDDHYA BODHAYA BODHAYA

Sa mạn đa, bạt li thuật đê (50)

𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

SAMANTA PARISUDDHE

Tát bà đất tha nga đa, địa sắc-tra na, địa sắc sỉ đế (51) ma ha mẫu niết li (52) sa phạ ha (53)

𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRĪ

SVĀHĀ

Tôn Thắng Đà La Ni Tâm Chân Ngôn :

“Úm_ A mật lạt đồ bà tỳ, sa phạ ha”

𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

OM_ AMṚTA-UDHAVE SVĀHĀ

PHÁP ĐỌC ÂM PHẠN

Phàm Đà La Ni Chân Ngôn toàn là âm Phạn, chỉ lấy tiếng không lấy nghĩa. Xưa nay phần nhiều bị mất âm gốc. Vì phiên dịch văn tự có khác cho nên phần nhiều

kẻ tu học nghi ngờ không quyết định, ghi không rõ ràng (xem chú ở bên) tự quyết định cho là như thế không cần biết đúng sai. Nay Dịch Giả (người viết Bản Kinh này bằng chữ Hán) thêm phần chú thích cho hợp với gốc rễ (xem chú ở bên). Xem lại Bản mới không sai một mảy, không nghiên cứu mà là nghiên cứu. Đây là bệnh chung của Đà La Ni. Nếu không có ghi chú ở bên thì không đọc đúng âm, y theo đây mà điều chỉnh, sở hữu chữ ở bên miệng đều do uốn lưỡi mà ra tiếng, ra vào theo 4 Âm làm gốc, hợp với Chú , 2 chữ cùng hòa một lúc đọc nhanh, đây là Nhị Hợp.

Đà La Ni này có 53 câu, trong đây cũng có một ít ngưng nghỉ, xin kẻ hậu học rõ biết từng câu để khỏi bị sai lầm (trong mỗi câu, nghỉ một lúc. Những chữ ghi Nhị Hợp thì đọc mau) Hết thấy Phật Bộ Đà La Ni, hết thấy Bồ Tát Kim Cang Đà La Ni Chân Ngôn đồng như vậy, cũng như tên của tiếng Hán, tên của Ta... cũng có 4 âm: Bình (đều) Thượng (cao) Khứ (mau) Nhập (nuốt vào) tiếng cùng nhau mà đọc. Theo đây âm Phạn của Nam Thiên Trúc và âm của chư Thiên là một loại. Nếu cần niệm tụng Phạm Âm, trước cần phải học Phạm Âm, chỉ có 14 âm cùng 10 âm của tiếng Hán, xem trong Phạm Văn Tự của Kinh Niết Bàn tức ngộ được Phạm Âm. Phần dịch Kinh ở trên đề riêng, đem thẳng vào sách là **Ca Diếp Lợi Sa** dịch. Như Học Giả thọ Chân Ngôn nơi Thầy rồi, nên lập Đạo Tràng, mỗi ngày tắm gội, mặc áo mới sạch, theo Thời niệm tụng. Nếu không đủ 4 Thời thì 2 Thời không thể thiếu. Đầu tiên khi vào Đạo Tràng , quỳ 2 gối, kết Kim Cang khởi Ấn, 2 tay Kim Cang Quyền, Đàn Huệ (2 ngón út) cùng móc nhau, Tấn Lực (2 ngón trỏ) trụ 3 lần chiêu mời. Chân Ngôn là :

“**Úm_ Ma chiết lộ để sắc tra** “

ॐ २३ (१५)

OM _ VAJRO TIṢṬA

3 lần chiêu mời, mỗi lần tụng một biến, tức quán chư Phật như cát sông Hằng tụ tập trong Đạo Tràng, dùng Tâm quán thành rồi liền cần vẽ Tượng.

PHÁP VẼ TƯỢNG

Phàm muốn làm Pháp thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni Chương Cú. Trước cần vẽ Tượng. Lấy lụa trắng tốt đẹp, nhờ Đồng Nữ dệt thành 3 bức cao một trượng, trong các màu sắc không được dùng keo da (ND: Bây giờ có thể dùng hộp màu), lấy nước thơm. Người thợ vẽ cần thọ Tam Quy Ngũ Giới, mặc áo mới sạch, mỗi lần vào nhà cầu thì mỗi lần tắm gội, cho đến khi vẽ xong, cần tu Tịnh Trai không được ở cùng đàn bà, nơi chốn vẽ không được nuôi gà chó, không cho người uống rượu ăn thịt đến gần, nếu không thì làm Pháp sẽ không thành. Cần thận cho đến lúc vẽ xong, người làm Công Đức cùng Họa Sĩ ở lẫn lộn với kẻ khác.

Bắt đầu ngày mồng một khởi công. Nếu như khởi đầu vào ngày mồng một tháng Giêng là tốt nhất. Vẽ 5 ngọn núi Cam Lộ. Trong núi có cây cối, hoa quả, suối chảy, ao nước, chim **Ca Lăng Tần Già** (Kalaviṅka) Cộng Mạng, sư tử, các thú. Trên đỉnh núi có hang động, trong động vẽ Thích Ca Mâu Ni ngồi Kiết Già Phu, bên phải vẽ Thiên Chủ Đế Thích cùng với hết thầy quyền thuộc vây quanh, bên trái vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ**, mặt mày đoan chánh như Bồ Tát, có các Anh Lạc, mào hoa trang nghiêm, dùng miếng lụa trắng cột ở bắp tay trái, tay phải cầm cây Trượng (gậy tròn) sau đó vẽ quyền thuộc Càn Thát Bà vây quanh ca múa tấu nhạc. Hai bên Đức Phật vẽ 4 vị Thiên Vương với các Tùy Tù. Bên trái, phía dưới vẽ Phạm Thiên Vương và tượng Ma Vương đứng. Bên phải, phía dưới vẽ Ma Hê Thủ La. Hướng dưới, trong nước có Long Vương màu trắng và đỏ.

Vẽ Tượng xong, thiết lễ Trai Tăng 49 vị. Sau đó, đeo treo trong Đạo Tràng 49 ngày niệm tụng không được ra khỏi Đạo Tràng cũng không cho ai vào trong Đạo

Tràng. Vật cúng dường mỗi mỗi đều tự đem vào, chỉ đốt Trầm Hương tốt. Mỗi ngày ăn các món tốt, không ăn các thứ rau. Bơ, Mật, sữa, cháo đựng đầy trong bát cúng dường, dùng các hoa quả ngon ngọt cúng dường, không lấy các thứ hoa quả của cây có gai và cây ở nơi ô uế. Trải qua 7 ngày, lấy đất nơi Phước Đức làm Đàn. Có Pháp cầu thỉnh riêng như trong Kinh Hoa Nghiêm.

PHÁP LÀM ĐÀN TÔN THẮNG

Phàm làm Đàn. Thứ nhất là ở nơi có núi sâu không có người đến, thứ hai là nơi có nguồn suối, thứ ba là chùa núi có hình thế, thứ tư là nơi Thành Ấp có chùa lớn Phước Đức.

Trước khi làm Đàn, niệm tụng Quân Trà Lợi Kim Cang Tâm Chân Ngôn 7 ngày, thấy cảnh giới trong mộng như: Hoa tốt đẹp, Bà La Môn Tăng, Trời, Người, Đạo Sĩ, Hình Tượng, Càn Thát Bà, Thiên Chúng, Kim Cang, Bồ Tát, Phật...lâu gác, tháp báu, cung điện chư Thiên. Đây là mộng tốt.

Nếu thấy heo con, chó, lục súc... tức cần phải tắm rửa sạch sẽ, cầu thỉnh. Lại dời đi chỗ khác y như trên tụng Quân Trà Lợi Chân Ngôn cho đến khi có ứng.

Nếu hợp được Thánh Tâm tức ở nơi đó đẹp bỏ ngôi, đá, ác vật. Nơi đất Phước Đức đắp cao lên, đất vuông 8 khuỷu tay, bên trong làm Đàn 4 khuỷu tay, cao một gang tay, lấy đất vàng tốt nhào thành bàn tròn, một cân bột Bạch Đàn trộn với bùn rồi tụng Chú. Chú có trong **Đà La Ni tập thứ 8: Ô Sô Sắc Ma** Đàn Pháp có nói Chú bùn và Chú nước. Cần một Đồng Tử khoảng 15 tuổi (trên dưới 15 tuổi) để sai khiến các việc nơi Đạo Tràng. 4 góc Đàn, mỗi nơi để một cái bình, miệng bình cắm nhánh lá. Trước Đàn để một bình nước bằng đồng hoặc bằng sành. Lấy 5 thứ Hương: Trầm, Tô Hợp, Bạch Đàn, Long Não, Tiên Hương... Lấy nhựa hương làm nước Ứ Già. Lại lấy riêng một chén hoặc đồng hoặc bạc hoặc vàng đựng đầy nước Uất Kim. Quý dài bung nước Hương cầu thỉnh chư Phật ba đời, hàng sa Bồ Tát khắp Pháp Giới Kim Cang, 33 cõi Trời (Tam Thập Tam Thiên), Thiên Chủ Đế Thích, Phạm Vương, Chúng Trì Chủ Tiên **“Ngày này giờ này nhận sự cúng dường của con. Hôm nay con kết Đàn trì niệm Phật Đảnh Tôn Thắng Chân Ngôn. Cúi xin Thánh Chúng xót thương giáng lâm Đạo Tràng nhận sự cúng dường của con làm cho Pháp Giới an ninh không có khổ não. Nếu có các khổ não, xin được xa lìa, giải thoát”**. Phát nguyện như vậy xong, đem Chú nước hương để trên Đàn, tụng Tôn Thắng 40 biến, tướng hàng sa chư Phật ngự trong Đạo Tràng. Nếu có Địa Thiên Vương trong Đạo Tràng này gây các việc sợ hãi thì không được dùng lời khác và sân hận các hàng người... Nếu như có người khác ở ngoài đền cũng nên dùng lời nhỏ nhẹ, không được to tiếng, cúng dường các món ăn uống.

Dựa theo Đàn lúc trước, treo 49 lá phan, 4 mặt treo 4 phan Thiên Vương và phan Kim Cang, gia trì Chú dây mà treo quanh 8 khuỷu tay bên ngoài làm Giới. Đàn mở 4 cửa, mỗi cửa để một lư hương, trong lư đốt các hương thơm tốt, không để cho gà, chó, đàn bà đến bên Đàn. Ngày đêm 6 thời hoặc 4 thời niệm tụng.

PHÁP NIỆM TỤNG TÔN THẮNG

Phàm muốn niệm tụng Tôn Thắng Chân Ngôn. Ngồi ở mặt Đông của Đàn, hướng về phương Tây. Một ngày 4 thời, 6 thời, cứ một thời lấy 108 biến làm hạn định. Mỗi thời đủ biến số rồi thì phát nguyện rộng lớn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển tức thời Tượng Vẽ phóng ra ánh sáng lớn. Ngay lúc đó Pháp Thành, không được nghỉ. Niệm tụng trừ số gốc, mỗi thời cầu thỉnh. Duỗi 2 cánh tay kết Kim Cang Hợp Chưởng để

trên đánh, duỗi thẳng 2 chân để toàn thân sát đất, lễ Đông Phương Bất Động Như Lai. Nơi biên Tâm (Tâm Hải) tuôn ra dâng hiến. Chân Ngôn là:

“**Úm_ Tát bà đất tha nghiệt đa, bổ nhu bà tát tha na da, a đáp ma nam, niết lệ da đa dạ nhị. Tát bà đất tha nghiệt đa, bạt chiết la tát đỏa, địa sắc tra, tát phạ hàm, hồng**”

ॐ स त् न ष ण ग ण सु ऋ प ष ण द य ष म ण ः ॐ ऋ ग द म ष स त् न ष ण ग ण व ष ण म ण ः ॐ ष ण म ण ः ॐ

OM (Quy mệnh) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) PŪJA (Cúng dường) PASVĀNĀYA (Thừa sự) ATMĀNĀM (Thân của con) NIRYĀTA (Phụng hiến) YĀMI (Nay con) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA-SATVA (Kim Cang Tát Đỏa) ADHIṢṬA (Thủ hộ) SVĀMAM (Cho con) _ HŪM (Chủng tử của Kim Cang Bộ)

Làm cúng dường như vậy. Tâm Hải hiến niệm: “*Vì muốn thừa sự hết thầy Như Lai nên con dâng hiến Thân này, cúi xin hết thầy Như Lai (và Kim Cang Tát Đỏa) xót thương gia hộ*”

(HT: Câu in nghiêng là nghĩa của Chân Ngôn lễ Bất Động Như Lai ở phương Đông _ Các câu bên dưới cũng vậy)

Lại co 2 chân dùng Kim Cang Hợp Chương để ở trái tim, cúi vàng trán sát đất lễ Nam Phương Bảo Sanh Như Lai. Dùng Tâm Hải lưu xuất dâng hiến. Chân Ngôn là :

“**Úm_ Tát bà đất tha nghiệt đa, bổ nhạ, tỳ sai ca da, đáp ma nam, niết lệ dạ đa, dạ nhị. Tát bà đất tha nga đa, bạt chiết la, ra đất na, a tỳ tiến dã hàm, đất-lạc**”

ॐ स त् न ष ण ग ण सु ऋ ऋ ष ण द य ष म ण ः ॐ ऋ ग द म ष स त् न ष ण ग ण व ष ण म ण ः ॐ ष ण म ण ः ॐ

OM (Quy mệnh) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) PŪJA (Cúng dường) ABHIṢĒKĀYA (tác Quán Đỉnh) ATMĀNĀM (Thân của con) NIRYĀTA YĀMI (Nay con phụng hiến) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA-RATNA (Kim Cang Bảo) ABHIṢIMCA MAM (Nguyện Quán Đỉnh cho con) TRĀḤ (Chủng tử của Bảo Bộ)

Niệm như vậy: “*Vì cúng dường hết thầy Như Lai, cầu thỉnh Quán Đảnh. Nay con dâng hiến thân xong, nguyện hết thầy Như Lai dùng Kim Cang Bảo quán đảnh cho con*”

Lại dùng Kim Cang Hợp Chương để nơi đánh, để miệng chạm đất lễ Tây Phương Vô Lượng Thọ Như Lai. Lại dùng thân dâng hiến. Chân Ngôn là:

“**Úm _ Tát bà đất tha nghiệt đa, bổ nhạ, bát ra vật lạc đa da, đáp ma nam, niết lệ da đa, dạ nhị. Tát bà đất tha nghiệt đa, bạt chiết la, đạt ma, bát ra vật lạc đa da hàm, hạt-rị**”

ॐ स त् न ष ण ग ण सु ऋ ष व ष ण द य ष म ण ः ॐ ऋ ग द म ष स त् न ष ण ग ण व ष ण म ण ः ॐ ष ण म ण ः ॐ

OM (Quy mệnh) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) PŪJA (Cúng dường) PRAVARTTANĀYA (Triển chuyển) ATMĀNĀM (Thân của con) NIRYĀTA YĀMI (Nay con phụng hiến) SARVA TATHĀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA-DHARMA (Kim Cương Pháp) PRAVARTTĀYA (Chuyển tác) MAM (Con) HRĪḤ (Chủng tử của Liên Hoa Bộ)

Niệm như vậy: “*Nay con lần lượt cúng dường hết thầy Như Lai nên dâng hiến thân này. Nguyện hết thầy Như Lai vì con mà chuyển Pháp Luân Kim Cang*”

OM _ MAHĀ-MAITRIYA SPHARA

Lại vận **Tâm Hỷ** biến **Yết Ma Luân** tràn khắp cõi chúng sanh. Chân Ngôn là:

“**Úm _ Tát bà bột đà, bát ra mẫu na, tát bán ra**”

ॐ म ह्रीं व ह्रीं धम्म ह्रीं

OM _ SARVA BUDDHA PRAMODA SPHARA

(Bản khác ghi là: **Om _ ‘Suddha Pramoda sphara**)

Lại vận **Yết Ma Luân** tràn khắp cõi chúng sanh thành tựu **Đại Xả**. Chân Ngôn là:

“**Úm _ Ma hô bé khát sái, tát bán ra**”

ॐ म ह्रीं प ह्रीं ह्रीं

OM _ MAHĀ-UPEKṢA SPHARA

Sau lại kết Tam Muội Da Ấn. Kiên Cố Phục, 2 ngón cái hợp nhau thẳng. Chân Ngôn là:

“**Úm _ Tam Ma Da, tát đất phạm**”

ॐ म म म ह्रीं

OM _ SAMAYA STVAM

Lại kết Duyệt Hỷ Tam Muội Da Ấn. Như trước Phục, co Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) vào giao nhau, hợp thẳng Địa (ngón út), Không (ngón cái). Chân Ngôn là :

“**Úm _ Tam ma da hác, tát ra đa, tát đất phạm**”

ॐ म म म ह्रीं ऋं ॐ

OM _ SAMAYA HOH SURATA STVAM

Lại kết Khai Tâm Ấn. Trước ở vú phải để chữ Phạn **Đát-ra** (ॐ _ TRĀ) Vú trái để chữ **Tra** (ॐ _ Ṭ) như cánh cửa, như Kim Cang Phục, Khế và Chân Ngôn đều kéo đẩy 3 lần trên trái tim. Chân Ngôn là:

“**Úm _ Phạ nhật ra, mần đà, đát la tra**”

ॐ व ह्रीं व ह्रीं व ह्रीं

OM _ VAJRA ABANDHA TRĀṬ

Lại ở trước mặt một khoảng, quán hoa sen 8 cánh, trên có chữ A (ॐ) phóng ánh sáng lớn màu trắng như thủy tinh. Dùng Kim Cang Phục, ló 2 Phong (2 ngón trỏ) như cái vòng vịn lấy chữ ấy, để ở trong Tâm Điện (Cung điện ở trái tim). Chân Ngôn là:

“**Úm _ Phạ nhật ra, vị xá, ác**”

ॐ व ह्रीं म ह्रीं म ह्रीं

OM _ VAJRA AVIŚA AH

Lại cũng để ở trái tim, kết Kim Cang Phục đều co 2 Không (2 ngón cái) vào lòng bàn tay, 2 Phong (2 ngón trỏ) trụ nơi 2 Không. Đem Ấn chạm nơi ngực. Chân Ngôn là :

“**Úm _ Phạ nhật ra, mẫu sắt trí, hàm**”

ॐ व ह्रीं म ह्रीं व ह्रीं

OM _ VAJRA-MUṢṬI VAM

Dùng dây đóng cửa Tâm xong, tưởng chữ rõ ràng.

Lại dùng Kim Cang Quyền để nơi trán, chia ra hướng về sau ót, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) cột xoắn 3 vòng. Liền bung duỗi từ Địa Luân (ngón út). Sau đó từ 2 lông mày rũ xuống làm thế rũ dây đai. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, ma lệ, tịch tru dã hàm** “

ॐ वज्र मंत्र त्रिंशद्भिरक्षरैः

OM _ VAJRA-MĀLE ABHIṢIMCA MĀM

Lại tưởng 2 chữ Phạn ở ngay mặt 2 Phong (2 ngón trỏ). **Úm** (ॐ_ OM) bên phải , **Châm** (ॐ_ TUM) bên trái phóng ra ánh sáng màu xanh lục giống như dây tơ. Liền dùng dây tơ quấn quanh trái tim 3 vòng. Tiếp đến lưng, rốn, eo, 2 gối. Lại quay ngược lại đến sau eo, tiếp đến trái tim, cổ, trán, sau ót. Liền như thế rũ Thiên Y lúc trước . Tụng Chân Ngôn là :

“ **Úm, châm**”

ॐ ॐ

OM TUM

Lại kết Ấn Hỷ Duyệt. Kim Cang Phục, vỗ tay 3 lần. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, đồ sử hác** “

ॐ वज्र तुष्य नः

OM _ VAJRA TUṢYA HOḤ

Lại quán Tịnh Nguyệt Luân. Quán chữ ॐ (AḤ) hóa thành Bản Tôn, kết Kim Cang Nhập Ấn. Kết Phục xong, co kèm Không (2 ngón cái) vào bên trong. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, tát đất phạ, ác** “

ॐ वज्रसत्वा ऋ

OM _ VAJRA-SATVA AḤ

Lại có Chân Ngôn là :

“ **Phạ nhật ra, tát đất phạ, nễ lệ xả dã** “

वज्रसत्वा ह्रीं

VAJRA-SATVA DRŚYA

Tiếp dùng 4 Ấn, 4 Minh triệu nhập thân. Dùng Hỷ Duyệt Tam Muội Gia lúc trước, 2 Hòa (2 ngón giữa) làm 4 Nhiếp. Chân Ngôn là :

“ **Nhược, hồng, vam, hắc**”

ॐ ह्रं वं कः

JAḤ HŪM VAM HOḤ

Sở Quán lúc trước là **Pháp Thân** (Dharma-kāya). Nay Sở Nhập là **Trí Thân** (Jñāna-kāya), cùng hợp nhau biểu thị cho một Thể.

Tiếp nên dùng Tâm Cúng Dường Môn này trang nghiêm Thế Giới. Trong Đàn quán hoa sen trắng, cộng là Kim Cang Diệu Sắc, 8 cánh đủ râu nhụy với mọi báu tự trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng ánh sáng, trăm ngàn chúng hoa sen vây quanh. Trên đó, lại quán tướng Tòa Đại Giác Sư Tử, dùng Bảo Vương (các loại ngọc ngà châu báu cực quý hiếm) đặt xen kẽ lẫn nhau. Ngay trong cung điện của Trời có các cây trụ báu bày hàng. Khắp nơi treo phan, lọng. Các râu chuỗi ngọc treo xen kẽ, rũ treo các áo diệp bảo. Mây hương hoa bao phủ cùng các đám mây báu tuôn mưa các hoa báu. Đất

Hai tay nắm Kim Cang Quyền, bên phải đè bên trái. 2 cánh tay giao nhau trước ngực. Đây là Kế Lị Chỉ La Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, kế lị, hồng “

ॐ वज्र किलि हूं

OM_ VAJRA-KILI HŪM

Lại dùng Kim Cang Quyền trái đỡ nơi chỏ (khủy tay) phải. Dựng thẳng quyền phải như cây phượng. Đây là Ai Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, la lị , hắc “

ॐ वज्र रालि कः

OM_ VAJRA-RĀGĪ HOH

Lại 2 Quyền đều để 2 bên hông. Đây là Ý Khí Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra nghiệt mặt hê nễ “

ॐ वज्र कम्महं

OM_ VAJRA-KĀMA HINI

Lại làm như bán cung, xong hướng xuống dưới nhẹ nhàng. Đây là Ý Sanh Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra nễ lị sắc trí sa dã kế ma tra “

ॐ वज्र दृष्टि सयक मद्र

OM_ VAJRA-DRṢṬI SAYAKE MAT

Lại ôm nhẹ nhàng như trên. Đây là Kế Lị Chỉ Lị Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra , kế lị chỉ lị, hồng “

ॐ वज्र किलिकिलि हूं

OM_ VAJRA KĪLIKĪLE HŪM

Lại như cây phượng (Tràng) lúc trước. Đây là ái Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm _ Phạ nhật ra ni, tát ma ra , ra tra “

ॐ वज्र नि मारा रात्रा

OM_ VAJRINI SMĀRA RAT

Lại như trên, 2 Quyền để bên hông. Đây là Ý Khí Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“Hác , phạ nhật ra , ca mê thất phộc lý đất lam “

क वज्र कामेश्वर त्रं

HOH_ VAJRA-KĀMEŚVARE TRĀM

Tiếp, hai (quyền) ở bên trên buông xả. Đây là Thời Xuân Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm _ Phạ nhật ra, bổ sắt bẻ “

ॐ वज्र पुष्य

OM_ VAJRA-PUṢPE

Lại, hai (quyền) ở bên dưới buông xả. Đây là Thời Vũ Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm _ Phạ nhật ra, độ bé “

ॐ वज्र ध्रुप

OM_ VAJRA-DHUPE

Lại nhắm 2 mắt. Đây là Thời Thu Ấn. Chân ngôn là :

“Úm _ Phạ nhật ra, lộ kế “

ॐ वज्र खलके

OM_ VAJRA-ĀLOKE

Lại dùng hai (bàn tay) xoa nơi ngực . Đây là Thời Đông Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm _ Phạ nhật ra, nghiên đề “

ॐ वज्र गन्धे

OM_ VAJRA-GANDHE

Lại như Câu (Câu Ấn) lúc trước. Đây là Sắc Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Lại như Sách (Ấn) ở trên. Đây là Thanh Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Lại như Tòa (Ấn) lúc trước. Đây là Hương Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Lại như Linh (Ấn) lúc trước. Đây là Vị Ấn. Chân Ngôn là :

“Úm”

ॐ

OM

Sắc Chân Ngôn là :

“Úm _ Phạ nhật ra, ương câu thi, nhạ”

ॐ वज्र कुशे जह

OM_ VAJRA-AMKUSE JAH

Thanh Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, bạt thế, hồng “

ॐ वज्र पसे हू

OM_ VAJRA-PĀSE HŪM

Hương Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, Thượng ca lệ, vam “

ॐ वज्र ऐकर वं

dường, trình bày điều cầu xin. Sau đó mới Thỉnh hết thầy. Đây dùng Tam Muội Gia Ấn lúc đầu để trên danh.

“**Úm _ Phạ nhật ra, tát đất phạ, mục** “

ॐ वज्रसप्त मुः

OM_ VAJRA-SATVA MUḤ

Phát Khiển xong. Trong mọi Thời rộng tu gốc rễ lành (Thiện Bản), chuyển tụng Kinh Điện Đại Thừa, cho đến trụ vào Thiên Tịch... đừng làm các sự nghiệp bất thiện. Đối với Pháp Thiện Tịch quyết chí tu hành. Tâm cố gắng cắt đứt các việc ác. Tức trong hiện đời được thành tựu và 16 đời sau thành **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)

Ở trong Nguyệt Luân quán chữ **Hác** (ॐ_ HĀḤ) làm thân Kim Cang Tát Đỏa màu chu sa, tay phải để ngay trái tim cầm chày Kim Cang, tay trái cầm cái chuông (Linh). Liền kết Nhập Ấn kèm tụng 4 Minh dẫn vào thân của mình, mỗi mỗi rõ ràng xong. Liền quán trên gốc áy (Bỉ căn) có chữ **Hật-ri** (ॐ_ HRĪḤ) thành hoa sen trắng. Thân Tát Đỏa nhập vào hoa sen kia biến khắp các chi phần cũng như mặc áo. Chân Ngôn là :

“**Úm _ Bạt chiết la, ra nga da (bỉ danh), hắc** “

ॐ वज्र रगदा ह

OM_ VAJRA-RĀGĀYA (Tên gọi của Tể Chủ....) HĀḤ

PHÁP RIÊNG NIỆM TỤNG TÔN THẮNG THỨ BA

Pháp thứ 1: Nếu người muốn được sống lâu, không đọa vào các đường Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, A Tu La và diệt các tội. Mỗi Thời chí tâm tụng Tôn Thắng Đà La Ni 21 biến, khởi tâm thương xót hết thầy chúng sanh. Liền tiêu diệt được 4 thú (4 nẻo bất thiện) và tội lỗi

Pháp thứ 2: Nếu có Phi Đẳng La Sát, Quỷ Thần vào trong đất nước gây khủng bố não loạn hết thầy chúng sanh. Kết Ấn để ở danh, xưng: “**Nam mô Phật**” trong tâm nhớ tụng Tôn Thắng 108 biến, tức nơi đó các tai nạn đều tiêu diệt

Pháp thứ 3: Nếu có người không tin, chỉ chế tâm một chỗ, chuyên làm Pháp này tức được Đại Nghiệm làm cho kẻ kia được tín tâm. Làm Pháp được hiệu nghiệm liền có gió mát nhập vào nơi thân, trên thân da dẻ xấu xí và các ách nạn đều bị gió thổi khiến da xấu bị mất, ác nạn bị tiêu diệt.

Pháp thứ 4: Nếu có người muốn được Đại Tụ Tại. Trong 7 ngày, đối 4 phương tụng Tôn Thắng Đà La Ni 108 biến. Lấy 7 loại lúa trộn với đất vàng làm bùn, đắp làm hình người để ở 4 phương. An trí xong thì cầu gì đều xứng ý.

Pháp thứ 5: Muốn diệt các tội nơi thân. Ở dưới cửa thành làm Pháp như trên liền được Quả Nguyên

Pháp thứ 6: Muốn diệt các tội đã làm từ trước. Ở các ngã tư đường làm Pháp trên tất được.

Pháp thứ 7: Muốn diệt hết thầy tội cho chúng sanh. Ở trước Tháp làm Pháp trên tức được.

Pháp thứ 8: Muốn cứu hết thầy chúng sanh bị tội khổ nơi Địa Ngục. Mỗi Thời kết Phật Đánh Ấn, tụng Chú 21 biến rồi hướng về phương Tây xả Ấn thì tội khổ nhất định tiêu diệt, không nên nghi.

Pháp thứ 9: Muốn thí cho loài Ngạ Quỷ. Chú vào nước sạch 21 biến rồi đem rải 4 phương, tâm nghĩ thí cho Ngạ Quỷ, tức chúng được nước uống.

Pháp thứ 10: Muốn cứu hết thầy tội khổ của Súc Sanh. Chứ vào đất vàng 21 biến rồi rải trên súc sanh và rải 4 phương thì tội khổ liền được tiêu diệt.

Pháp thứ 11: Muốn cứu các tội khổ của Người, Trời cùng các khủng bố, đọa lạc. Lấy hoa năm màu, Chứ 21 biến rồi tán rải Tam Bảo và Phật Đảnh. Tức tội khổ được tiêu diệt.

Pháp thứ 12: Nếu có vương nạn, binh nạn, khẩu thiệt khởi lên. Chứ 21 biến vào nước 5 thứ hương nấu lên rồi tắm Phật và vẩy trên Phật Đảnh, tức được tiêu trừ.

Pháp thứ 13: Nếu có Sa Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng... muốn được đủ Phước Đức. Mỗi ngày Phát Nguyện, Sám Hối, tụng Tôn Thắng 7 biến rồi đem Công Đức này hồi thí cho hết thầy chúng sanh. Chỉ làm như vậy liền được như nguyện, tăng Phước, giàu sang.

Pháp thứ 14: Nếu có chúng sanh muốn diệt trừ hết thầy chúng sanh, nghiệp chúng sanh. Xé lụa 5 màu làm cái phất, tụng Chứ rồi quét bụi nơi Tượng và Kinh. Thường làm Pháp này thì tội nghiệp của hết thầy chúng sanh được tiêu diệt.

Pháp thứ 15: Nếu có khẩu thiệt nổi lên. Lấy Bạch Mật tốt đựng đầy trong chén sạch. Lấy Châu sa hòa Bạch Mật, Chứ 21 biến rồi đem xoa môi của 108 Tượng Phật thì khẩu thiệt bị tiêu diệt.

Pháp thứ 16: Nếu có người bị bệnh nằm liệt trên giường. Lại muốn được hết thầy mọi người nhớ nghĩ kính trọng. Lại có người muốn cầu hết thầy sự nghiệp của Thế Gian và Xuất Thế Gian, tâm không nhất định bị Quỷ Thần gây nhiễu loạn, mộng tưởng điên đảo. Nên lấy 108 lá Kim Bạc (Vàng lá) Chứ 21 biến, dùng đắp 108 hình tượng. Trước Phật Đảnh, kết Ma Ni Bảo Châu Ấn liền được tiêu trừ hết thầy chúng sanh, sở cầu như ý.

Pháp thứ 17: Nếu trong nước bị Quỷ Thần dựa cùng Khí Tật Bệnh lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh viết Chứ, dùng Bạch Đàn làm cái tráp đựng, lấy sáp gắn tráp lại rồi treo trên 4 cửa thành, lấy 5 thứ lụa làm lọng che tráp, trước cửa để một Bản tức tật bệnh tiêu diệt.

Pháp thứ 18: Nếu trong nước, ngũ cốc không tốt, mưa gió trái mùa. Nên lấy lụa trắng làm một cái phan, vẽ 21 đầu Tôn Thắng làm Phật Đảnh Ấn và đặt cao 80 thước trên đất, hướng về phương Nam. Tức mưa gió thuận thời, năm lúa tốt tươi, nhân dân an lạc, Rồng ác hồi tâm làm việc lành, A Tu La Vương không gây chúng sanh nạn.

Pháp thứ 19: Nếu gặp mưa lớn, nước không ngừng dâng cao. Dùng lụa tốt vẽ Tôn Thắng, 21 tấm, treo nơi Chánh Nam. Tức trời quang mưa tạnh.

Pháp thứ 20: Nếu có ác tặc nổi lên. Lấy lụa xanh vẽ Tôn Thắng, 21 bức. Ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ**, 2 tay cầm tên rồi treo nơi chánh Đông thì ác tặc liền lui.

Pháp thứ 21: Nếu quốc vương muốn gây tai họa. Dùng vật mới làm 108 Phù Đồ Tướng Luân, lấy lá giã lấy nước vẽ một Bản Tôn Thắng rồi an trí trên mỗi đầu Tướng Luân và đựng trong Tráp thì tai họa liền lui, được Phước Đức sống lâu.

Pháp thứ 22: Nếu người sang kẻ hèn muốn được cứu độ và tự hộ thân, cầu tài bảo được vừa ý. Nên khởi lòng lành không tán loạn. Mỗi ngày trước tượng Phật, kết Ấn tụng Chứ 7 biến, chiêm ngưỡng Phật không nháy mắt. Làm Pháp như vậy liền được Phước Lực đầy đủ, sau khi mạng chung nhất định không bị đọa vào Địa Ngục.

Pháp thứ 23: Nếu có người nữ muốn cầu con trai con gái. Ngày một bày biện các món ăn uống tốt đẹp ngon lành, đem cho kẻ ăn xin, người bệnh. Khi cho, miệng luôn luôn tụng Tôn Thắng không dứt. Làm như vậy tức được con.

Pháp thứ 24: Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chứ 21 biến rồi đem may áo cho vợ, chồng mặc liền được hòa thuận.

Pháp thứ 25: Nếu có người nữ bị Quỷ dựa không rời bỏ. Nên chánh niệm trên thân Ma sa, dùng tay chặn tức Quỷ mau bỏ chạy đi nơi khác. Nếu có người nữ không có chồng, lấy muối sạch không cần nhiều ít, gia trì 100 biến rồi cúng cho Hiện Tiền Tăng ăn liền được có chồng.

Pháp thứ 26: Nếu có Ngoại Nhân, quốc vương, vương tử, đại thần, bách quan.... Không tin Phật Pháp. Lấy sữa bò vàng không có gẻ lác, 3 con. Chứ 21 biến vào nước, cỏ rồi cho bò ăn mỗi ngày. Khi muốn uống sữa, lại gia trì nơi bò. Sau đó, lấy bát đựng đầy sữa lại gia trì 21 biến rồi rải 4 hướng nơi đất. Người bưng sữa cần mặc áo mới sạch, miệng nói: *“Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ cùng Thiên Đế Thích. Việc ở đây nên tự lo lấy”*. Người trì Chân Ngôn liền vào thành thì quốc vương, vương tử, đại thần, Ngoại Đạo, những kẻ không tin Phật Pháp thấy người trì Chú sanh lòng rất vui vẻ, khen ngợi và nghe theo, được lòng tin lớn không có thay đổi.

Pháp thứ 27: Nếu nơi chỗ ở có các Rồng ác, người trì Chú muốn hàng phục. Nên lấy sữa bò đen, gia trì 21 biến, đun lên rồi rải nơi ao Rồng. Nếu Rồng hiện lên thì bảo: *“Không được phá hoại chúng sanh nơi đây”* rồi an trí nơi chốn cũ. Nếu không chịu hiện lên, không bỏ nghiệp ác. Liền gia trì 21 biến, vảy trong ao tức bằng phẳng như trên đất, rồi bảo rằng: *“Hãy đi nơi khác mà ở”*. Người niệm tụng gia trì trong 21 biến rồi nói: *“Không được đi lại lộn xộn”* Nếu chí tâm tức được ứng nghiệm.

Pháp thứ 28: Nếu nơi chỗ ở có ác Quỷ Thần. gia trì đồ ăn 21 biến mà cho họ rồi bảo rằng: *“Ta bảo người không được làm hại chúng sanh thì được ở nơi đây. Nếu không tức phải đi”*. Quỷ Thần ác nếu không nghe lời, liền lấy đinh sắt dài mười hai chỉ, gia trì 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần ác đều bỏ chạy đi nơi khác. Người Trì Tụng an trí chỗ cho Quỷ Thần rồi bảo: *“Các người ở nơi đây không được đi lung tung”*

Pháp thứ 29: Người niệm tụng mỗi khi muốn đi đâu, lấy cây phát trắng chú 108 biến rồi cầm cây phát mà đi sẽ không bị nạn khổ của các loài súc sanh.v...được giải thoát.

Pháp thứ 30: Nếu muốn các vong giải thoát các nạn khổ, người Trì Tụng ngời trong Thi Đà Lâm, 7 ngày, ngày 3 thời tụng Chân Ngôn tùy ý nhiều ít, sau 7 ngày lấy đất nơi đó mà rải thì các vong liền được xa lìa các khổ, vĩnh viễn xa lìa ác đạo, được sanh Thiên.

Pháp thứ 31: Nếu có người bị Tinh Quỷ nhập, người niệm tụng nơi trước giường người bệnh, ngay gần chánh niệm, tay để nơi mặt bệnh nhân, tâm không rời nơi mặt người bệnh thì bệnh liền lành. Nếu tâm có sai khác thì Quỷ trở lại, sau đó dùng tâm quán tưởng. Nếu buồn bán ế ẩm, sở cầu không được vừa ý, nên kết Ấn niệm tụng mỗi thời 21 biến, để hình Thiện Trụ ở nơi kín đáo cúng dường thì sở cầu liền được.

Pháp thứ 32: Nếu muốn đi vào trong núi rừng gập hỏ, lang, sư tử, các ác thú...khi muốn vào trước nơi cửa núi tụng Chân Ngôn 108 biến, gia trì vào đất vàng 7 biến rồi lấy đất ngậm nơi miệng, lần lượt phun ra vào trong núi, miệng nói: *“Các cầm thú ác độc trong đây thấy đều tiêu diệt, đất này thuộc về Ta. Nếu y theo Pháp của Ta làm theo thì được ở. Nếu không thuận theo tức mau đi khỏi, miệng liền bị ngậm không mở ra được”*. Người Trì Niệm thấy các loại đó... tức gom lại một chỗ lấy tay xoa lên chúng gia trì 21 biến, bảo rằng: *“Ta cho người được mở miệng”* rồi bảo đi ra khỏi giới, giữ gìn nơi đây không được tổn hại hết thảy tất cả chúng sinh Niệm Tụng Phát Khiển xong cho đến an trí một chỗ rồi, người Niệm Tụng ngời trong núi 3 tháng hơn rồi đi, không được ở lâu thêm, vì ngời lại lâu hơn làm các cầm thú không yên, sợ sệt bỏ đi nơi khác.

Pháp thứ 33: Nếu muốn vào trong núi niệm tụng có các Quỷ Thần xen lẫn, không cho vào trong núi để ở, biết được vậy, tức y theo nơi mà phân chia miệng nói:

Phát Khiển Khế. Tay phải : Ngón trỏ để ở góc ngón cái, nắm tay lại thành Quyển (Tụng 7 biến) hướng ngón cái lên trên.

“**Um Tam măn dā, sa đā vam**”

ॐ समय च

OM SAMAYA STVAM

Chú này , tụng một biến tức thọ Bồ Đề Tâm Giới. Trong Kinh Kim Cang Đánh vượt hơn 3 cõi.

VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT NGŨ TỰ TÂM CHÂN NGÔN

Bấy giờ Kim Cang Thủ Bồ Tát, hết thấy Bồ Tát... đều ở trước Tỳ Lô Giá Na Như Lai mỗi mỗi đều nói Tự Tâm Chân Ngôn.

Văn Thù Bồ Tát bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng vì muốn cho hết thấy chúng sanh mau được thành tựu Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên nói Bản Tâm Chân Ngôn”

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi rằng: “Nay chính là lúc ông có thể nói”

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói Chân Ngôn là :

“**A , ra, bạt, giả na**”

ॐ [र] प [न]

A RA PA CA NA

Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân hay tụng trì Chân Ngôn này tức là thọ trì hết thấy Pháp Tạng của Như Lai, mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu muốn thọ trì, trước cần phải nhập vào Tam Ma Gia A Giá Lê Da. Vào ngày 14 , 15 của kỳ Bạch Nguyệt, trong Thất thanh tịnh, xoa đất làm một cái Đàn tròn. Dùng Chiên Đàn, Long Nảo trộn lại tô trên Đàn. Chính giữa vẽ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có hình Đồng Tử, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm tạng Kim Cang. Quanh Đàn vẽ 5 chữ Tâm Chân Ngôn, không được lẫn lộn sai sót. Đốt các thứ hương, rải các thứ Hoa thơm cúng dường.

A Xà Lê kết Kim Cang Ấn tụng trì. Tụng xong, liền dẫn Đệ Tử vào Đàn, thọ Pháp Môn Tam Ma Gia, thọ Tâm Chân Ngôn. Xong dạy kết Ấn Kim Cang. Trước kết Kim Cang Phục. Phục xong dựng thẳng 2 ngón giữa co lỏng ở trên. 2 ngón giữa cùng trụ , trên An để hoa cúng dường. Xong lại bảo rằng: “Pháp Môn này là Tạng Bí Mật của chư Phật, cần thận không được xem nhẹ mà nói cho kẻ khác. Nếu nói tức phá Pháp Tam Muội Gia. Nay Ta vì người mà nói nghĩa này. Người nên lắng nghe, thọ trì và thường nhớ niệm”

Gọi là A (ॐ_A) đây là nghĩa Vô Thượng, là Pháp Môn chung của hết thấy chư Phật.

RA ([र]_RA) là thanh tịnh không chướng, xa lìa các Pháp trần cấu

BẠT (प _PA) là Đệ Nhất Nghĩa Đế, Chân Thật Lý

GIẢ (र _CA) là Đại Tánh không tịch, không có Hành Tướng

NA (न _NA) là các Pháp thường **Không Tánh** (Sūnyatā). Nói năng , chữ nghĩa đều không thể được.

Người nên tu học Pháp Môn Tâm Chân Ngôn này, thường quán **Tâm xưa nay vốn thanh tịnh, không nhiễm , không dính mắc, không Ngã, không Ngã Sở, lìa tướng phân biệt, tự tánh Niết Bàn**. Vào Pháp Môn này gọi là **Tam Ma Địa** (Samādhī). Đây gọi là Chân Thật Niệm Tụng. Nên biết Công Đức của người này thù thắng vô lượng vô biên.

Hành Giả thọ Pháp này xong. Mỗi ngày 4 Thời vào Đàn niệm tụng, cúng dường như trên. Suy nghĩ trong Tâm Pháp Môn Chân Ngôn, nhập Tam Ma Địa.

Như Pháp niệm tụng một biến hay trừ hết thảy khổ. Tụng hai biến, thì hết thảy tội đều tiêu diệt. Tụng ba biến thì Tam Muội hiện tiền. Tụng bốn biến được Tổng Trì chẳng quên (ghi nhớ không quên). Tụng năm biến, hay thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Chí tâm tụng mãn một tháng thì Văn Thù Sư Lợi tự hiện thân, hoặc ở trong Hư Không vì Hành Giả nói Pháp, tức được Túc Mạng Trí, biện tài vô ngại, Thần Túc tự tại, thành tựu mọi sở nguyện, mau chứng Như Lai Pháp Thân và Kim Cang Thân.

Nếu không thể làm Đàn thì dùng lụa tốt như trên mà vẽ cũng được. Tụng Chân Ngôn mãn năm vạn biến sẽ được Trí Tuệ, Biện Tài không khác Văn Thù.

Lại có Pháp thọ trì riêng. Ở trước Tháp Xá Lợi, dùng các thứ hương trộn lại xoa tô đất, làm một Đàn tròn, viết 5 chữ Phạm Tụ Chân Ngôn, đi nhiều quanh hành Đạo, tụng mãn 50 vạn biến thì Văn Thù Sư Lợi liền hiện thân nói Pháp, thường được Phật và Cháp Kim Cang Bồ Tát gia bị, nơi cầu nguyện đều thành tựu

Ngoại Lục của Đạo Sư...

Ngự Nhật ghi: Dùng Ngự Ngoại Đề Bản Thư ghi chép...

 Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/05/2014